

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HD
TỈNH HD**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2021/HS-ST.

Ngày: 28 - 10 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD - TỈNH HD**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh HD tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 147/2021/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 142/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo thủ tục rút gọn đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị Q, sinh năm: 1973 tại HD; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Cam Lộ, xã Tân Việt, huyện TH, tỉnh HD; tạm trú: số 19/97 Nguyễn Hữu Cầu, phường Ngọc Châu, thành phố HD, tỉnh HD; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Tuấn Ng, sinh năm: 1942 và bà: Hoàng Thị T, sinh năm: 1943; chồng: anh Phạm Đức H, sinh năm: 1971 (*đã chết*); bị cáo có 01 con - sinh năm: 1997; tiền án, tiền sự: chưa. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/7/2021 đến ngày 25/7/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 76/QĐ -CQCSĐT ngày 25/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD; Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 90/LCCT-VKSTP.HD ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD; Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 107/CCT-TA ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HD. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1977; Nơi ĐKHKTT: tổ E 576A, tổ 5, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố BH, tỉnh ĐN; chỗ ở: thôn Vạn Tuế, xã Tân Việt, huyện TH, tỉnh HD; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu Kh, sinh năm: 1940 và bà: Phạm Thị H, sinh năm: 1949; vợ: chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1980; bị cáo có 02 con; con lớn - sinh năm: 2005, con nhỏ - sinh năm: 2010; tiền án, tiền sự: chưa. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/7/2021 đến ngày 25/7/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 77/QĐ -CQCSĐT ngày 25/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD; Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 91/LCCT-VKSTP.HD ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD; Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 108/CCT-TA ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HD. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn H, sinh năm: 1971 tại HD; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Nhan Bàu, xã Thanh Hồng, huyện TH, tỉnh HD; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Q, sinh năm: 1931 và bà: Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1931; vợ: chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1972; bị cáo có 02 con; con lớn - sinh năm: 1993, con nhỏ- sinh năm: 2004; tiền án, tiền sự: chưa. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/7/2021 đến ngày 25/7/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 79/QĐ - CQCSĐT ngày 25/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD; Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 93/LCCT-VKSTP.HD ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD; Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 110/CCT-TA ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HD. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Danh H, sinh năm: 1984 tại TH, HD; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Ngoại Đàm, xã An Phượng, huyện TH, tỉnh HD; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Danh Đ, sinh năm: 1956 và bà: Phạm Thị Gh, sinh năm: 1954; vợ: chị Phạm Thị Nh, sinh năm: 1987; bị cáo có 01 con - sinh năm: 2014; tiền án, tiền sự: chưa. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/7/2021 đến ngày 25/7/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi

cư trú theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 78/QĐ - CQCSĐT ngày 25/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Dương; Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 92/LCCT-VKSTP.HD ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD; Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 109/CCT-TA ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HD. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 13h15' đến 14h35' ngày 22/7/2021, tại nhà số 19/97 Nguyễn Hữu Cầu, phường Ngọc Châu, thành phố HD, tỉnh HD, Vũ Thị Q, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Danh H và Phạm Văn H đang có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.750.000đ (*Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong vụ án này, không xác định được người đề xuất và chuẩn bị công cụ để đánh bạc nên các bị cáo đều đồng phạm và giữ vai trò là người thực hành. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng đánh bạc là: Vũ Thị Q sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt có 3.900.000 đồng; Phạm Văn H sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt có 2.500.000 đồng; Nguyễn Hữu D sử dụng 5.150.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn 2.400.000 đồng; Nguyễn Danh H sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn 150.000 đồng. Ngoài ra, thu giữ tại vị trí giữa chiếu bạc số tiền 800.000 đồng (*các bị cáo xác định đây là tiền các bị cáo đang đánh bạc*).

Về vật chứng: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài được quản lý tại kho vật chứng của Công an thành phố HD; đối với số tiền 9.750.000 đồng được gửi vào tài khoản tạm giữ của Công an thành phố HD tại Kho bạc nhà nước tỉnh HD được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 03/QĐ-VKSTPHD ngày 05 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố các bị cáo Vũ Thị Q, Nguyễn Hữu D, Phạm Văn H và Nguyễn Danh H về tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện, công nhận Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố HD đối với các bị cáo là đúng và xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo và xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.750.000 đồng đồng thời đề nghị Tòa án: Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Vũ Thị Q, Nguyễn Hữu D, Phạm Văn H và Nguyễn Danh H phạm tội: “*Đánh bạc*”.

Về hình phạt chính:

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i; s khoản 1 Điều 51; thêm khoản 2 Điều 51 (*đối với bị cáo Nguyễn Hữu D*); khoản 1, 2, 5 Điều 65 (*đối với bị cáo Vũ Thị Q và Nguyễn Hữu D*); khoản 1 Điều 35 (*đối với bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Danh H*); Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

1.Xử phạt: bị cáo Vũ Thị Q từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hữu D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Thị Q và bị cáo Nguyễn Hữu D cho Ủy ban nhân dân xã Tân Việt, huyện TH, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68; Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.Phạt tiền bị cáo Phạm Văn H từ 23 triệu đồng đến 25 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

4.Phạt tiền bị cáo Nguyễn Danh H từ 20 triệu đồng đến 23 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: áp dụng điểm a; b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a; b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.750.000đ (*Chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) được đựng trong 01 (*một*) phong bì niêm phong, có chữ kí bên ngoài của Vũ Thị Q, Phạm Văn H, Nguyễn Danh H, Nguyễn Hữu D (*phong bì 830*); tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, bằng giấy, từ A đến K (*có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD ngày 20/10/2021*).

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Vũ Thị Q, Nguyễn Hữu D, Phạm Văn H và Nguyễn Danh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13h15' đến 14h35' ngày 22/7/2021, tại nhà số 19/97 Nguyễn Hữu Cầu, phường Ngọc Châu, thành phố HD, Vũ Thị Q, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Danh H và Phạm Văn H đang có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.750.000đ (*Chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.750.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “*Đánh bạc*” và bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố các bị cáo về

tội danh trên theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội. Từ việc chơi bạc được, thua, sát phạt nhau bằng tiền có thể là nguyên nhân phát sinh nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt và là bài học răn đe cho những đối tượng còn ham mê cờ bạc. Có như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, Tòa án sẽ xem xét quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp với mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này, không xác định được người đề xuất và chuẩn bị công cụ để đánh bạc nên các bị cáo đều đồng phạm và giữ vai trò là người thực hành. Đối với số tiền của mỗi bị cáo đã sử dụng để đánh bạc thì thấy: bị cáo Vũ Thị Q sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt có 3.900.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hữu D sử dụng 5.150.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn 2.400.000 đồng; bị cáo Phạm Văn H sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt có 2.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Danh H sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt còn 150.000 đồng. Ngoài ra, thu giữ tại vị trí giữa chiếu bạc số tiền 800.000 đồng (*các bị cáo xác định đây là số tiền mà các bị cáo đang đánh bạc*). Các bị cáo đánh bạc tại nơi ở của bị cáo Q, bị cáo Q có số tiền đánh bạc nhiều thứ hai sau bị cáo D; bị cáo D là người có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều nhất nên xác định bị cáo Q và bị cáo D có vai trò như nhau; bị cáo H có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều thứ ba nên có vai trò sau bị cáo Q và D còn bị cáo H có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít nhất nên có vai trò sau cùng. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo D có bố đẻ là ông Nguyễn Hữu Kh được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2

Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Tòa án sẽ xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp khi lượng hình. Do các bị cáo đều có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên Tòa án thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Q và D khỏi xã hội, không bắt bị cáo Q và D phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời thể hiện sự nhân đạo của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H và H cũng không cần thiết xử phạt hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, Tòa án thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Q và D. Đối với bị cáo H và H đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng*: đối với số tiền 9.750.000 đồng là khoản tiền các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền này; đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo đều bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố HD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i; s khoản 1 Điều 51; thêm khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo Nguyễn Hữu D); khoản 1, 2, 5 Điều 65 (đối với bị cáo Vũ Thị Q và Nguyễn Hữu D); khoản 1 Điều 35 (đối với bị cáo Phạm Văn H và

Nguyễn Danh H); Điều 17; Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 321; điểm a; b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a; b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: bị cáo Vũ Thị Q, Nguyễn Hữu D, Phạm Văn H và Nguyễn Danh H phạm tội: “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Vũ Thị Q 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 20 (*hai mươi*) tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hữu D 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 20 (*hai mươi*) tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Thị Q và bị cáo Nguyễn Hữu D cho Ủy ban nhân dân xã Tân Việt, huyện TH, tỉnh HD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68; Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn H 23 (*hai mươi ba*) triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Danh H 21 (*hai mươi một*) triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

2. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.750.000đ (*Chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) được đựng trong 01 (*một*) phong bì niêm phong, có chữ kí bên ngoài của Vũ Thị Q, Phạm Văn H, Nguyễn Danh H, Nguyễn Hữu D (*phong bì 830*); tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, bằng giấy, từ A đến K (*có đặc điểm như Biên bản*

giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD ngày 20/10/2021).

4. Về án phí: buộc các bị cáo Vũ Thị Q, Nguyễn Hữu D, Phạm Văn H và Nguyễn Danh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSNDTP.HD;
- VKSND tỉnh HD;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố HD;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thành phố HD;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh HD;
- Chi cục THADSTP. HD;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thúy Hạnh